

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2019

V/v: “*Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn;
tranh chấp đòi lại tài sản;
tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Anh
2. Ông Lưu Trọng Kim

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức
Linh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông
Phạm Khắc Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 452/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14
tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau
khi ly hôn; tranh chấp đòi lại tài sản; tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm
2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn D, sinh năm 1984, nơi cư trú: xóm 6, thôn
6, xã A, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Cáp Thị Mẫu T, sinh năm 1996, nơi cư trú: tổ 1, thôn 5, xã Đ,
huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962, nơi cư trú: xóm 6, thôn 6, xã A, huyện Thanh Linh, tỉnh Bình Thuận

Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963, nơi cư trú: xóm 3, thôn 5, xã A, huyện Thanh Linh, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt anh D, bà L, bà L1. Vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện lập ngày 31/10/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/12/2018, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn D trình bày: Anh và chị Cáp Thị Mẫu T trước đây là vợ chồng và có một con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 28/5/2013. Do vợ chồng sống không hạnh phúc nên đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 123/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh. Theo quyết định trên thì Con Nguyễn Thanh S do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian đầu sau khi ly hôn, chị T không trực tiếp nuôi con mà giao cho bà Vịnh, tức mẹ ruột của chị T chăm sóc. Mỗi lần anh đến thăm nom con điều bị gia đình chị T tìm cách ngăn cản và có những lời nói xúc phạm. Đến tháng 5/2018 chị T lập gia đình mới và cùng cháu S đi nơi khác sinh sống. Từ đó đến nay anh không được gặp con và không biết địa chỉ cụ thể cháu S hiện nay đang ở đâu. Anh D nhận thấy việc cháu S sống chung với gia đình mới của chị T sẽ không được đảm bảo bởi chồng mới của chị T sẽ không thương yêu cháu S như con ruột. Ngoài ra, chị T không trực tiếp nuôi con mà lại giao cho bà ngoại nuôi dưỡng là không làm tròn trách nhiệm của người mẹ và ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Do đó, anh khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cụ thể anh yêu cầu được nuôi cháu S và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, anh D yêu cầu chị T phải trả cho anh số tiền 10.000.000 đồng. Đây là số tiền nợ mà anh chị đã thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo văn bản đã thỏa thuận ngày 11/01/2018.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Trước đây, khi hôn nhân còn tồn tại thì anh D và chị T có mượn bà 01 chỉ vàng 24K để mua sắm vật dụng gia đình. Sau đó, anh D chị T đã ly hôn và thỏa thuận chị T phải có nghĩa vụ trả cho bà 01 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên đến nay chị T vẫn chưa trả. Do

đó, bà khởi kiện yêu cầu chị T phải trả cho bà 01 chỉ vàng 24K, quy thành tiền là 3.600.000 đồng, bà L1 không yêu cầu tính lãi.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào năm 2016 bà có cho vợ chồng chị T anh D mượn số tiền 4.000.000 đồng, mục đích để mua sắm vật dụng gia đình. Sau khi ly hôn, chị T và anh D đã thỏa thuận là chị T sẽ có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà. Tuy nhiên đến nay chị T vẫn chưa trả. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu chị T phải trả cho bà số tiền 4.000.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Cáp Thị Mẫu T trình bày: Chị T thống nhất như trình bày của anh D về quan hệ hôn nhân và con chung. Từ sau khi chị và anh D ly hôn đến nay, cháu S đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh D không phải chu cấp nuôi con. Thời gian đầu sau ly hôn, anh D nhiều lần mượn có đến nhà chị để thăm con nhưng thực chất đến gây gổ và đánh đập chị gây thương tích, việc này làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt hằng ngày của chị và con. Do đó, chị và cháu S đã chuyển đi nơi khác sống. Tuy nhiên, chị vẫn thường xuyên dẫn cháu về xã Đ để thăm bà ngoại. Hiện nay cháu S đã có nơi ở và nơi học tập ổn định. Cháu học giỏi, rất khỏe mạnh và phát triển bình thường. Do đó, chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện thay đổi quyền nuôi con của anh D. Riêng đối với yêu cầu của anh D, bà L1, bà L về việc yêu cầu chị tiếp tục thực hiện văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ ngày 11/01/2018 thì chị đồng ý trả cho anh D số tiền 10.000.000 đồng; trả cho bà L1 số tiền 3.600.000 đồng và trả cho bà L số tiền 4.000.000 đồng. Ngày 10/12/2018, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì phẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Sau khi ly hôn, cháu S được chị T nuôi dưỡng phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần. Hiện tại chị T có nơi ở và việc làm ổn định. Do đó việc anh D khởi kiện yêu cầu thay đổi quyền nuôi con là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Đối với yêu cầu đòi lại số tiền 10.000.000 đồng thì cần chấp nhận, buộc chị Cáp Thị Mẫu T phải trả cho anh D số tiền 10.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L, buộc chị T phải trả cho bà

L1 số tiền 3.600.000 đồng và trả cho bà L số tiền 4.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn và của người có quyền nghĩa vụ liên quan, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Tranh chấp đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Xét thấy chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/12/2018. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T là đúng pháp luật.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các Án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các Án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 123/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh quyết định giao cháu Nguyễn Thanh S cho chị Cáp Thị Mẫu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh D cho rằng chị T không trực tiếp nuôi con mà giao cho bà ngoại chăm sóc. Anh nhiều lần đến thăm nom con nhưng chị T và mẹ chồng tìm cách ngăn cản, gây khó khăn trong việc anh thăm nom con. Ngoài ra, chị T đã lập gia đình mới nên việc nuôi con sẽ không đảm bảo được quyền lợi cho cháu S. Do đó, anh có đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Trước yêu cầu khởi kiện của anh D, chị T không đồng ý. Chị T cho rằng: Sau khi ly hôn, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, quá trình nuôi dưỡng con,

chị T vẫn tạo điều kiện để anh D thăm nom con, không có hành vi ngăn cản như lời anh D trình bày. Chị T mặc dù đã có gia đình mới nhưng vẫn chăm sóc cho cháu S đầy đủ, cụ thể cháu S phát triển bình thường, đi học như bạn bè cùng trang lứa. Mặc khác, anh D từng có hành vi đến nhà chị chửi bới, quậy phá làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của chị và cháu S. Lời khai này của chị T phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi chị T cư trú.

Mặc khác, Hội đồng xét xử nhận thấy anh D đang đi làm ăn xa, không có nơi ở ổn định. Chị T đang làm giáo viên, có nghề nghiệp và nơi ở ổn định. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D không có chứng cứ để chứng minh được việc chị T không trực tiếp nuôi con, nuôi con không đầy đủ và có hành vi cản trở không cho anh thăm nom con. Vì vậy, xét thấy yêu cầu của anh D về thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với yêu khởi kiện của anh D về việc yêu cầu chị T phải trả cho anh số tiền 10.000.000 đồng; bà L1 yêu cầu chị T trả 01 chỉ vàng 24K tương đương 3.600.000 đồng và bà L yêu cầu chị T trả số tiền 4.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ giữa anh D và chị T tại văn bản thỏa thuận ngày 11/01/2018 là tự nguyện, phù hợp pháp luật; các bên đã thực hiện thỏa thuận và được bà L1, bà L chấp nhận. Quá trình tham gia tố tụng, chị T đồng ý trả các khoản nợ trên. Do đó, cần buộc chị T trả nợ là đúng pháp luật.

Nếu chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh D, bà L1 và bà L khi những người này có đơn yêu cầu thi hành án thì chị T còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nguyễn Tấn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con không được Tòa án chấp nhận. Chị T phải chịu 1.100.000 đồng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của anh D và yêu cầu khởi kiện của bà L1, bà L được Tòa án chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Nguyễn Tấn D đối với cháu Nguyễn Thanh S.

Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 28/5/2013 cho chị Cáp Thị Mẫu T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn D về việc đòi lại tài sản. Buộc chị Cáp Thị Mẫu T phải trả cho anh Nguyễn Tấn D số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị L:

Buộc chị Cáp Thị Mẫu T phải trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng)

Buộc chị Cáp Thị Mẫu T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)

4. Nếu chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh D, bà L1 và bà L khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi anh D, bà L1 và bà L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng chị T còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn D phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018893 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị T phải nộp 1.100.000 đồng án phí DSST về nghĩa vụ trả nợ.

Trả lại cho anh Nguyễn Tấn D số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024989, ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024990 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024991 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho anh D, bà L1, bà L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (21/02/2019); chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Trần Phước Hiệu